TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 02 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 75/2020/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc D,** sinh năm 1997.
ĐKTT: phường H, quận N, thành phố C

Địa chỉ: phường X, quận N, thành phố C

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn H,** sinh năm 1994.

Địa chỉ: phường H, quận N, thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Huỳnh Ngọc D** và ông **Nguyễn Tấn H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Ngọc D** và ông **Nguyễn Tấn H** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H và bà D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành D (nam) sinh ngày 26/3/2016. Ông H và bà D thống nhất giao cháu Nguyễn Thành D cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H và bà D thỏa thuận bà D không phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà D không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Thành D, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà D thống nhất không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông H, bà D mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Bà D tự nguyện nộp thay cho ông H 75.000 đồng. Bà D đã tạm ứng án phí hôn nhân 300.000 đồng, chuyển 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí của bà D thành án phí, bà D được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002007 ngày 14/11/2019 thành án phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân QNK;
- Nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG